TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp thừa kế
Tài sản theo pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên

2. Ông Trần Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 528/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp:"Thừa kế tài sản theo pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Hải M, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 136/40 đường T, khu phố 2, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Võ Thị Minh T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 18/4K đường B 12, ấp Đ, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Võ Thị Ánh T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 07/7B đường B 09, ấp Đ, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hải M, bà Võ Thị Minh T, bà Võ Thị Ánh T, bà Võ Thị Ánh N: Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Số 33/03 đường T, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Theo Giấy ủy quyền ngày 17/01/2019, 18/02/2019 và 21/02/2019. (Có mặt)

- Ông Võ Minh T3, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Đoàn Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Anh D chung sống với nhau từ năm 1975 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sinh được 06 người con, gồm có: Võ Hải M, sinh năm: 1977; Võ Thị Minh T1, sinh năm: 1978; Võ Thị Thanh T, sinh năm: 1980; Võ Thị Ánh T2, sinh năm: 1983; Võ Thị Ánh N, sinh năm: 1983 (sinh đôi) và Võ Minh T3, sinh năm: 1987. Vợ chồng bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông Võ Anh D mất ngày 11/7/2014, không để lại di chúc. Còn cha mẹ ông D thì cũng đã chết trước ông Dũng từ lâu.

Sinh thời, vợ chồng bà tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 102,8 m^2 gắn liền với 264,9 m^2 đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 205 tờ bản đồ địa chính số 2-(c) phường Đ. Tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ, đã được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BI 520815 ngày 11/4/2012 cho vợ chồng bà. Nay là thửa đất số 176 đã chỉnh lý, tờ bản đồ số 12, phường Đ. Căn nhà và thửa đất nói trên, hiện nay bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Sau khi ông D chết, bà có yêu cầu các con đến Phòng Công chứng làm thủ tục nhượng quyền thừa kế cho bà, để bà thuận tiện quản lý và giải quyết một số việc của gia đình. Trong 06 người con thì có 05 người đồng ý, riêng người con gái Võ Thị Thanh T thì không đồng ý, buộc bà phải khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà ông Võ Anh D chết để lại là: ½ giá trị căn nhà và đất tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ.

Trường hợp yêu cầu khởi kiện của bà được Tòa án chấp nhận thì bà xin nhận nhà và đất. Bà sẽ hoàn lại giá trị kỷ phần bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ngoài ra, bà cũng đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mà các con của bà là ông M, bà T1, bà T2, bà Nguyệt, ông T3 tặng cho bà.

Bị đơn là bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời điểm cha mẹ bà kết hôn và tạo lập tài sản, thời điểm cha chết không để lại di chúc, thời điểm ông bà nội mất và hàng thừa kế thứ nhất của cha bà thì bà thống nhất với lời trình bày của bà H. Nhưng bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà H. Bởi vì: Trước khi cha bà chết, cha mẹ bà có chia cho bà 500 m^2 đất vườn tọa lạc tại khu phố 3, phường Đ. Sau khi cha bà chết, bà H đã gây sức ép buộc bà phải sang tên lại cho bà H và bà đã làm thủ tục sang tên cho bà H. Ngoài ra, vào năm 2014 bà có mua của bà H 150 m^2 đất vườn với giá 300.000.000 đồng. Bà đã trả đủ tiền nhưng bà H không chịu làm giấy tờ sang tên cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu bà H phải sang tên lại cho bà phần diện tích 500 m^2 đất vườn và làm giấy tờ chuyển nhượng phần diện tích 150 m^2 đất vườn thì bà mới đồng ý ra Công chứng làm thủ tục nhượng quyền thừa kế cho bà Hoa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thúy trình bày bổ sung: Trường hợp được Hội đồng xét xử sơ thẩm chia kỷ phần thì bà không nhận tiền. Bà xin nhận 18,9 m^2 đất ở đô thị tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ để bà sử dụng, làm chỗ chứa đồ nhằm thuận tiện cho việc kinh doanh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Hải M, bà Võ Thị Minh T1, bà Võ Thị Ánh T2, bà Võ Thị Ánh N và ông Võ Minh T3 trình bày: Về quan hệ huyết thống, thời điểm cha mẹ bà kết hôn và tạo lập tài sản, thời điểm cha chết không để lại di chúc, thời điểm ông bà nội mất và hàng thừa kế thứ nhất của cha thì các ông bà thống nhất với lời trình bày của bà H. Các ông bà đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Trường hợp được Tòa án chia kỷ phần thì các ông bà sẽ nhận và tặng lại kỷ phần của mình cho bà H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M, bà T1, bà T2, bà N đều có Giấy ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng và cũng có bản tự khai gửi đến Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 613, khoản 1 Điều 650 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông M, bà T1, bà T2, bà N, ông T3 với bà H về việc: Ông M, bà T1, bà T2, bà N, ông T3 đồng ý tặng kỷ phần của mình được nhận cho bà H.

- Chia giá trị kỷ phần cho bà T bằng tiền và buộc bà H phải hoàn lại cho bà T số tiền tương ứng với kỷ phần mà bà T được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản theo pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp thừa kế tài sản theo pháp luật". Căn cứ vào khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tài sản thừa kế là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 205 tờ bản đồ địa chính số 2-(c) tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà ông Võ Anh D chết để lại là ½ căn nhà và đất tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đn:*

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Bà Đoàn Thị H và ông Võ Anh D chung sống với nhau vào năm 1975, sinh được 06 người con chung, gồm có: Ông M, bà T1, bà T, bà T2, bà N, ông T3. Hai người không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông D cũng đã chết trước ông D. Bà H và các con của bà đều thừa nhận: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng là 102,8 m^2 gắn liền với 264,9 m^2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 205 tờ bản đồ địa chính số 2-(c) phường Đ đã được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất cho ông D, bà H vào ngày 11/4/2012. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; Có đủ cơ sở kết luận: Căn nhà và đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà H.

Ông Võ Anh D chết ngày 11/7/2014, không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 675 và Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Nay là Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015) thì bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản mà ông D chết để lại. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với ½ giá trị căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng là 102,8 m^2 gắn liền với 264,9 m^2 đất ở đô thị của ông Võ Anh D chết để lại là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Theo kết quả định giá tài sản ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thì tổng giá trị tài sản của căn nhà và đất nêu trên là: 379.648.400 đồng. Như vậy, phần giá trị tài sản chung của vợ chồng mà bà H được nhận là: 379.648.400 đồng : 2 = 189.824.200 đồng. Còn phần giá trị tài sản chung của vợ chồng mà ông D được nhận là: 189.824.200 đồng.

[2.3] Theo điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm có 07 người, đó là: Bà H, ông M, bà T1, bà T, bà T2, bà N, ông T3. Như vậy, giá trị kỷ phần mỗi

người được hưởng là: 189.824.200 đồng : 7 = 27.117.742 đồng. Làm tròn số là: 27.118.000 đồng.

[2.4] Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm: Ông M, bà T1, bà T2, bà N, ông T3 đều đồng ý nhận kỷ phần và tất cả đều có ý kiến tặng kỷ phần của mình cho bà H và bà H đồng ý nhận. Thấy rằng: Việc tặng cho kỷ phần của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 5 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa ông M, bà T1, bà T2, bà N, ông T3 với bà H về việc tặng cho kỷ phần thừa kế.

[2.5] Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Thanh T về việc đề nghị được nhận kỷ phần là 18,9 m^2 đất ở đô thị tọa lạc tại số 33/3 đường T, khu phố 2, phường Đ để bà sử dụng làm chỗ chứa đồ nhằm thuận tiện cho việc kinh doanh. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Yêu cầu và nguyện vọng của bà T là không có cơ sở. Vì: Trường hợp giao cho bà T 18,9 m^2 đất trong tổng số 264,9 m^2 đất sẽ không đảm bảo công năng sử dụng, không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng. Ngoài ra, bà T cũng đã có nhà riêng, có chỗ ở ổn định tại khu phố 3, phường Đ. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm nghĩ nên giao 18,9 m^2 đất ở đô thị thuộc kỷ phần của bà T được nhận cho bà H và buộc bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T bằng tiền đối với kỷ phần mà bà T được nhận là: 27.118.000 đồng, như vậy mới phù hợp với tình hình thực tế sử dụng đất.

[2.6] Đối với các ý kiến của bà Võ Thị Thanh T về việc yêu cầu bà H sang tên lại cho bà phần diện tích 500 m^2 đất vườn mà trước kia ông D, bà H đã tặng cho và làm giấy tờ chuyển nhượng phần diện tích 150 m^2 đất vườn mà bà T đã mua của bà H thì bà mới đồng ý ra Công chứng làm thủ tục nhượng quyền thừa kế cho bà H. Về các ý kiến nêu trên; Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Trong quá trình tham gia tố tụng trong vụ án này, bà T không tiến hành các thủ tục phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét trong vụ án này. Bà Võ Thị Thanh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo đạc, định giá tài sản và trích sao bản đồ địa chính là: 710.000 đồng (Bảy trăm mười ngàn đồng). Bà H đồng ý chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản. Bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí:

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1954. Đến ngày xét xử sơ thẩm, bà H đã trên 60 tuổi. Theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Nay, bà H có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận miễn toàn bộ cho bà H về phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị kỷ phần mà bà T được nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 609, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đoàn Thị H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Hải M, bà Võ Thị Minh T1, bà Võ Thị Ánh T2, bà Võ Thị Ánh N, ông Võ Minh T3 với bà Đoàn Thị H về việc: Ông M, bà T1, bà T2, bà N, ông T3 đồng ý tặng cho kỷ phần của mình được nhận cho bà H (Mỗi kỷ phần có giá trị: 27.118.000 đồng).

3. Bà Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà cấp 4 và vật kiến trúc gắn liền với 264,9 m^2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 176 đã chỉnh lý, tờ bản đồ số 12, phường Đ, TP. P, tỉnh Ninh Thuận.

Có vị trí tứ cận:

Cạnh hướng Đông : Giáp thửa đất số 159;

Cạnh hướng Tây : Giáp thửa đất số 166;

Cạnh hướng Nam : Giáp đất đường đi;

Cạnh hướng Bắc : Giáp thửa đất số 160;

(Kèm theo Trích sao Bản đồ địa chính ngày 03/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh P).

4. Bà Đoàn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh T số tiền: 27.118.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm mười tám ngàn đồng).

5. Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về án phí:

- Bà Đoàn Thị H là người cao tuổi, được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Đoàn Thị H số tiền: 538.000 đồng (Năm trăm ba mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0017569 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Võ Thị Thanh T phải chịu: 1.356.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Xuân